

LÔ 11 - Kho Nghệ An Đông Hải										
LIST HÀNG TÔN MỎNG THỦ PHẨM CÓ ĐỘ DÀY < 0.57MM										
Stt	Mã hàng (Mã Item)	Tên hàng	Mã lô, cuộn	ĐVT	Khối lượng (Kg)			Tổng mét	Ghi Chú	Ngày sản xuất
					Net	Lỗi	Gross			
1	A06000001	Tôn kẽm thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140119030069904	Kg	480		480	106	0.48 x 1219 mm	22/04/2019
2	A06000001	Tôn kẽm thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140119030071503	Kg	350		350	78	0.48 x 1219 mm	22/04/2019
3	A06000001	Tôn kẽm thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140119040056603	Kg	360		360	80	0.45 x 1219 mm	22/04/2019
4	A06000001	Tôn kẽm thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140219040024904	Kg	1,660	100	1,760	506	0.32 x 1200 mm	22/04/2019
5	A06000001	Tôn kẽm thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01150219010104201	Kg	3,880		3,880	880	0.48 x 1200 mm	22/04/2019
6	A06000001	Tôn kẽm thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01150219010104401	Kg	2,870		2,870	828	0.37 x 1200 mm	22/04/2019
7	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140218110034405	Kg	650	50	700	268	0.28 x 1220 mm	22/04/2019
8	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140218110036507	Kg	1,960	50	2,010	814	0.28 x 1200 mm	22/04/2019
9	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140218110036508	Kg	2,260	50	2,310	936	0.28 x 1200 mm	26/04/2019
10	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140219030005005	Kg	2,790	50	2,840	838	0.37 x 1200 mm	22/04/2019
11	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140219030014803	Kg	2,410		2,410	830	0.32 x 1200 mm	22/04/2019
12	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140219030016904	Kg	1,630		1,630	558	0.32 x 1200 mm	22/04/2019
13	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140219040026804	Kg	1,330		1,330	394	0.37 x 1200 mm	22/04/2019
14	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140219040026805	Kg	710	50	760	210	0.37 x 1200 mm	22/04/2019
15	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140219040035102	Kg	880		880	264	0.37 x 1200 mm	22/04/2019
16	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140219040043602	Kg	1,070		1,070	322	0.37 x 1200 mm	22/04/2019
17	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140219040057702	Kg	900		900	270	0.37 x 1200 mm	22/04/2019
18	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140318110020905	Kg	970		970	260	0.42 x 1220 mm	22/04/2019
19	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140318110065107	Kg	1,770		1,770	530	0.37 x 1200 mm	22/04/2019
20	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140318120058102	Kg	660	40	700	360	0.27 x 914 mm	22/04/2019
21	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140318120069303	Kg	270	50	320	80	0.38 x 1143 mm	22/04/2019
22	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140318120077602	Kg	250		250	66	0.40 x 1200 mm	22/04/2019
23	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140318120089003	Kg	680	50	730	200	0.38 x 1219 mm	22/04/2019
24	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140319010000103	Kg	1,320	50	1,370	356	0.37 x 1200 mm	22/04/2019
25	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140319010012202	Kg	2,520		2,520	840	0.32 x 1200 mm	22/04/2019
26	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140319010039806	Kg	510		510	184	0.37 x 1038 mm	22/04/2019
27	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140319010045306	Kg	820		820	198	0.46 x 1232 mm	22/04/2019
28	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140319010062503	Kg	140		140	44	0.39 x 1038 mm	22/04/2019
29	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140319010065204	Kg	2,630		2,630	874	0.39 x 1038 mm	22/04/2019
30	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140319010077603	Kg	480		480	158	0.39 x 1038 mm	22/04/2019
31	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140319010080004	Kg	690		690	230	0.32 x 1200 mm	22/04/2019
32	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140319020034804	Kg	1,140		1,140	282	0.55 x 914 mm	22/04/2019
33	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140319020043503	Kg	310		310	60	0.50 x 1215 mm	22/04/2019
34	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140319020085503	Kg	340		340	113	0.32 x 1200 mm	22/04/2019
35	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140319030011604	Kg	1,770		1,770	514	0.37 x 1200 mm	22/04/2019
36	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140319030011605	Kg	1,250	50	1,300	364	0.37 x 1200 mm	22/04/2019
37	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140319030031904	Kg	1,870	50	1,920	540	0.37 x 1200 mm	22/04/2019
38	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140319030032102	Kg	330		330	100	0.37 x 1200 mm	22/04/2019
39	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140319030074703	Kg	1,170		1,170	348	0.35 x 1223 mm	22/04/2019
40	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140319030132904	Kg	190		190	36	0.56 x 1219 mm	22/04/2019
41	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140319030150206	Kg	1,940		1,940	470	0.45 x 1219 mm	22/04/2019
42	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140319030157503	Kg	280		280	90	0.45 x 914 mm	22/04/2019
43	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140319040017703	Kg	530		530	186	0.32 x 1200 mm	22/04/2019
44	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01140319040051901	Kg	2,970	50	3,020	1,040	0.32 x 1200 mm	22/04/2019
45	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01150118120050502	Kg	3,570		3,570	928	0.46 x 1092 mm	22/04/2019
46	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01150118120110003	Kg	600		600	244	0.27 x 1200 mm	22/04/2019
47	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01150118120113803	Kg	520	40	560	276	0.27 x 914 mm	22/04/2019
48	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01150119010042303	Kg	710		710	204	0.38 x 1219 mm	22/04/2019
49	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01150119030103503	Kg	460		460	148	0.31 x 1200 mm	22/04/2019
50	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01150119030125403	Kg	630		630	218	0.32 x 1200 mm	22/04/2019
51	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01150119040081703	Kg	1,220		1,220	376	0.37 x 1200 mm	22/04/2019
52	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01150219010109403	Kg	600		600	200	0.39 x 1038 mm	22/04/2019
53	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01150219020120503	Kg	240	50	290	96	0.27 x 1200 mm	22/04/2019
54	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01150219040104901	Kg	1,910		1,910	352	0.55 x 1219 mm	22/04/2019
55	A06000002	Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm	01150219040105201	Kg	210		210	80	0.38 x 914 mm	22/04/2019
Tổng cộng					64,660	780	65,440			